

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng chuyên canh cây chanh
xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ và xã Thạnh Hòa, Thạnh Lợi
huyện Bến Lức, tỉnh Long An**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng; Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng kèm theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 20/7/2018 của Bộ xây dựng; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình kèm theo Văn bản hợp nhất của Bộ Xây dựng số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-BNN-KH ngày 20/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng chuyên canh cây chanh xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ và xã Thạnh Hòa, Thạnh Lợi huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

Căn cứ các văn bản số 5618/UBND-KTTC ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Long An và số 8317/EVNSPC-KH ngày 24/9/2020 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc bố trí vốn ngân sách địa phương và vốn của ngành điện lực để thực hiện dự án;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Long An tại Tờ trình số 3381/TTr-SNN ngày 17/6/2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (kèm theo Báo cáo thẩm định số /BC-XD-B2 ngày /9/2020) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật vùng chuyên canh cây chanh xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ và xã Thạnh Hòa, Thạnh Lợi huyện Bến Lức, tỉnh Long An với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư hạ tầng kỹ thuật vùng chuyên canh cây chanh xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ và xã Thạnh Hòa, Thạnh Lợi huyện Bến Lức, tỉnh Long An;

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Long An;

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Ngăn lũ, ngăn triều cường, chống xâm nhập mặn, chủ động nguồn nước tưới, tiêu nhằm ổn định sản xuất, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội các xã Bình Hòa Nam huyện Đức Huệ và xã Thạnh Hòa, Thạnh Lợi huyện Bến Lức với quy mô khoảng 7.274 ha đất tự nhiên trong khu vực (Đức Huệ: 1.834 ha; Bến Lức: 5.440 ha), trong đó dự kiến có khoảng 5.092 ha đất chuyên canh tác chanh.

- Phát triển giao thông thủy, bộ nội vùng phục vụ vận chuyển nguyên vật liệu cho sản xuất và nông sản sau thu hoạch nhằm hạ giá thành, tăng lợi nhuận cho người dân.

- Phát triển hệ thống lưới điện 3 pha phục vụ bơm tiêu chủ động vào mùa mưa.

- Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới và chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng đê bao dọc kênh Quảng Diệu, Sáu Sung, Long Hải, Bà Kiểng thuộc huyện Đức Huệ: tổng chiều dài các tuyến đê $L=15,7\text{km}$;

- Xây dựng đê bao dọc theo các kênh Ranh Thủ Thừa, Bà Kiểng, Rạch Chiếu, T4, T6, Cấn Xé thuộc huyện Bến Lức: tổng chiều dài các tuyến đê $L=48,5\text{km}$;

- Xây dựng 04 cầu giao thông nông thôn thuộc huyện Bến Lức;

- Xây dựng 105 cống nội đồng $\varnothing 80 \div \varnothing 150$; 02 cống hở $b=3\text{m}$;

- Xây dựng trạm biến áp 3 pha, đường dây trung thế 3 pha và đường dây hạ thế 3 pha.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Long An.

6. Chủ nhiệm lập dự án: Phan Tấn Trung.

7. Địa điểm xây dựng: Huyện Bến Lức và Đức Huệ tỉnh Long An.

8. Diện tích sử dụng đất:

- Vĩnh viễn: 2,122ha;

- Tạm thời: 2,647ha.

9. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT;

- Nhóm dự án: Nhóm B;

- Cấp công trình: Cấp III.

10. Số bước thiết kế: 02 bước (Thiết kế cơ sở và Thiết kế bản vẽ thi công).

11. Phương án xây dựng : Thiết kế cơ sở:

a) Nâng cấp đê bao:

- Khu vực huyện Đức Huệ:

Xây dựng 04 tuyến đê bao dọc kênh Quảng Điều, Sáu Sung, Long Hải, Bà Kiểng gồm: Đê bờ Đông kênh Quảng Điều, Đê bờ Tây kênh Bà Kiểng, Đê bờ Đông và bờ Tây kênh Sáu Sung, Đê bờ Đông và bờ Tây kênh Long Hải; tổng chiều dài các tuyến đê $L=15,7\text{km}$, bề rộng mặt đê $B_{\text{mặt}}=4\text{m}$, cao trình đỉnh $\geq(+2,5)$, $m=1,5$. Trong đó gia cố mặt đê bằng đá 0×4 rộng 3 m, dày 15 cm;

- Khu vực huyện Bến Lức:

Xây dựng 12 tuyến đê bao dọc kênh Ranh Thủ Thừa, Bà Kiểng, Rạch Chiếc, T4, T6, Cần Xé gồm: (1) Đê kênh bờ Bắc kênh T4; (2) Đê kênh bờ Nam kênh T6; (3) Đê kênh bờ Nam kênh Cần Xé- Đ1; (4) Đê kênh bờ Nam kênh Cần Xé- Đ2; (5) Đê kênh bờ Nam kênh Cần Xé- Đ3; (6) Đê kênh bờ Tây kênh Bà Kiểng- Đ1; (7) Đê kênh bờ Đông kênh Bà Kiểng- Đ2; (8) Đê kênh bờ Đông kênh Ranh- Đ2; (9) Đê kênh bờ Đông kênh rạch Chiếc- Đ1; (10) Đê kênh bờ Đông kênh rạch Chiếc- Đ2; (11) Đê kênh bờ Tây kênh rạch Chiếc- Đ1; (12) Đê kênh bờ Tây kênh rạch Chiếc- Đ2; tổng chiều dài các tuyến đê $L= 48,5 \text{ km}$, bề rộng mặt đê $B_{\text{mặt}} \geq 4\text{m}$, cao trình đỉnh $\geq(+2,5)$, $m=1,5$. Trong đó gia cố mặt đê bằng đá 0×4 rộng 3 m, dày 15 cm. Riêng đoạn Đê kênh bờ Đông kênh Bà Kiểng- Đ2 có bề rộng mặt đê $B_{\text{mặt}} = 7,5 \text{ m}$ với gia cố mặt đê bằng đá 0×4 rộng 5,5 m, dày 20 cm.

Biện pháp thi công: khai thác đất từ lòng kênh rạch để nâng cấp, tôn cao bờ đê hiện hữu, san đầm bằng máy đạt yêu cầu thiết kế.

b) Các cầu giao thông (cầu độc lập trên trục đê bao ngoài):

- Số lượng: 04 cầu T4-1, T4-2, T6-1, T6-2 thuộc huyện Bến Lức:

- Tải trọng 0,5xHL93; Chiều rộng mặt cầu $B= 4\text{m}$;

- Nhịp cầu: cầu có 03 nhịp, bằng BTCT, dầm dài 12m, cao trình đáy dầm nhịp giữa $(+3,5)\text{m}$;

- Trụ và móng cầu: đặt trên nền cọc BTCT.

c) Các cống đầu kênh nội đồng:

- Khu vực huyện Đức Huệ: 45 cống tròn $\varnothing 80 \div 150$; 02 cống hở $B = 3\text{m}$.

- Khu vực huyện Bến Lức: 60 cống tròn $\varnothing 80 \div 150$;

d) Hệ thống điện:

- Khu vực huyện Đức Huệ:

+ Trung thế 3 pha: Dọc đê Bắc Thanh Hải từ kênh Bà Kiểng đến kênh Quảng Điều $L= 3.150 \text{ m}$;

+ Hạ thế 3 pha: Dọc bờ Tây Kênh Công An; Dọc bờ Tây Kênh Long Hải; Dọc bờ Tây Kênh Quảng Diệu với tổng chiều dài các tuyến 8.342 m

+ 03 trạm biến áp 22KV/0,4KV có công suất 250KVA.

- Khu vực huyện Bến Lức:

+ Hạ thế 3 pha: Dọc bờ Đông kênh Ranh-Đ2; Dọc bờ Tây kênh Bà Kiềng-Đ1; Dọc bờ Đông kênh Bà Kiềng-Đ2 tổng chiều dài các tuyến 12.388m;

+ 02 trạm biến áp có điện áp 22KV/0,4KV có công suất 1x400KVA và 01 trạm biến áp có điện áp 22KV/0,4KV có công suất 2x400KVA.

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức: 193.000.000.000 đồng (một trăm chín mươi ba tỷ đồng).
Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	7.616.423.000	đồng
- Chi phí xây dựng:	141.812.442.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	359.967.000	đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.326.602.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	13.625.363.000	đồng
- Chi phí khác:	9.566.773.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	17.692.430.000	đồng

Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo.

13. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý: 100 tỷ đồng, đầu tư xây dựng các hạng mục nâng cấp bờ bao, 04 cầu và các cống nội đồng;

- Vốn ngân sách UBND tỉnh Long An: 73 tỷ đồng để thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư các hạng mục khác của dự án;

- Vốn ngành điện lực: 20 tỷ đồng đầu tư Hệ thống điện.

Trong đó Vốn Ngân sách trung ương bố trí giai đoạn 2016 ÷ 2020 là 10 tỷ đồng; vốn còn lại bố trí trong giai đoạn 2021 ÷ 2025, Chủ đầu tư chỉ được triển khai các công việc thực hiện phù hợp với nguồn vốn được bố trí.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành.

15. Thời gian thực hiện dự án: 2020 ÷ 2025.

16. Các nội dung khác :

a) Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Tại Phụ lục II kèm theo

b) Lưu ý trong giai đoạn sau:

- Trong bước thiết kế BVTC, cần kiểm tra, tính toán để xác định tối ưu quy mô thiết kế cho từng cống; Được phép xác định chính xác chiều dài đường điện, số lượng và kích thước cống tròn, chiều dài tuyến đê bao.

- Chủ đầu tư chỉ được triển khai các bước tiếp theo khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao;

2. Cục Quản lý xây dựng công trình là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành;

3. UBND tỉnh Long An chịu trách nhiệm bố trí đủ nguồn vốn địa phương theo tổng mức đầu tư được duyệt; là cấp quyết định đầu tư các hạng mục sử dụng vốn đối ứng của UBND tỉnh, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quyết toán toàn bộ chi phí giải phóng mặt bằng và các hạng mục đầu tư bằng nguồn vốn đối ứng của UBND tỉnh Long An.

4. Tổng công ty điện lực Miền Nam làm cấp quyết định đầu tư Hạng mục điện, chịu trách nhiệm bố trí đủ nguồn vốn, triển khai thực hiện và quyết toán toàn bộ chi phí liên quan đến Hệ thống điện trong dự án theo quy định.

5. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Long An là Chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án (trừ Hệ thống điện do ngành điện đầu tư) ; Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác đền bù tái định cư đáp ứng tiến độ của dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Chủ tịch UBND tỉnh Long An, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Long An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- UBND, Kho bạc NN tỉnh Long An;
- Sở NN và PTNT Long An (3b);
- Lưu: VT, Cục XD (HN, B2).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp